

NGHỊ ĐỊNH
Về an ninh hàng không dân dụng

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;
Căn cứ Luật Hàng không dân dụng Việt Nam ngày 29 tháng 6 năm 2006;
Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải,

NGHỊ ĐỊNH:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định các biện pháp bảo đảm an ninh hàng không dân dụng; đối phó với hành vi can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động hàng không dân dụng, giữ gìn trật tự an toàn xã hội tại các địa bàn hoạt động hàng không dân dụng; lực lượng an ninh hàng không dân dụng; cơ sở cung cấp dịch vụ an ninh hàng không dân dụng; hệ thống kỹ thuật, trang bị, thiết bị an ninh hàng không dân dụng; kinh phí bảo đảm an ninh hàng không dân dụng; trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan trong việc bảo đảm an ninh hàng không dân dụng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này được áp dụng đối với hoạt động hàng không dân dụng tại Việt Nam và hoạt động hàng không dân dụng do tổ chức, cá nhân Việt Nam thực hiện ngoài lãnh thổ Việt Nam, nếu pháp luật của nước sở tại không có quy định khác.

Điều 3. Nguyên tắc chung

1. An ninh hàng không dân dụng là nhiệm vụ quan trọng của ngành hàng không dân dụng Việt Nam nhằm bảo vệ hoạt động hàng không dân dụng đối phó với các hành vi can thiệp bất hợp pháp, góp phần bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự an toàn xã hội tại các địa bàn hoạt động hàng không dân dụng.

2. Các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, biện pháp, quy trình, thủ tục an ninh hàng không dân dụng được áp dụng phải đảm bảo an ninh tối đa cho hoạt động hàng không dân dụng đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động vận chuyển hàng không và phù hợp với các điều ước quốc tế về hàng không dân dụng mà Việt Nam là thành viên.

3. Dịch vụ an ninh hàng không dân dụng là dịch vụ công ích.

4. Người khai thác cảng hàng không, sân bay, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ không lưu, hãng hàng không, người khai thác tàu bay phải lập báo cáo và gửi qua bưu điện hoặc trực tiếp cho Bộ Giao thông vận tải, Cục Hàng không Việt Nam về các sự cố, vi phạm an ninh hàng không dân dụng trong vòng 48 giờ kể từ thời điểm xảy ra sự cố, vi phạm.

5. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các lực lượng chức năng liên quan có trách nhiệm phối hợp thực hiện có hiệu quả các biện pháp bảo đảm an ninh hàng không dân dụng theo quy định của Nghị định này; thực hiện công tác nghiệp vụ; giải quyết các vấn đề phát sinh trên nguyên tắc tôn trọng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của nhau theo quy định pháp luật.

Chương II **BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, NGĂN CHẶN** **BẢO ĐẢM AN NINH HÀNG KHÔNG DÂN DỤNG**

Điều 4. Yêu cầu về bảo đảm an ninh hàng không dân dụng trong xây dựng và cải tạo cảng hàng không, sân bay

1. Cảng hàng không, sân bay phải có hệ thống hàng rào vành đai, cổng cửa, đường tuần tra, hệ thống chiếu sáng an ninh, biển cảnh báo, hệ thống kỹ thuật, trang thiết bị kiểm tra, soi chiếu, giám sát an ninh, vị trí tập kết khẩn nguy, hầm hoặc khu vực xử lý bom, mìn, vật phẩm nguy hiểm phù hợp với yêu cầu về bảo đảm an ninh hàng không dân dụng.

2. Cảng hàng không, sân bay phải đáp ứng các yêu cầu về cách ly, kiểm tra, giám sát an ninh hàng không dân dụng đối với hành khách, hành lý, hàng hoá, thư, bưu phẩm, bưu kiện.

3. Cảng hàng không, sân bay, kết cấu hạ tầng hàng không trước khi xây dựng mới, cải tạo nâng cấp phải được thẩm định thiết kế về an ninh hàng không dân dụng và công tác bảo đảm quốc phòng, an ninh trong phạm vi sân bay.

Điều 5. Bảo đảm an ninh khu vực hạn chế

1. Khu vực hạn chế là khu vực của cảng hàng không, sân bay và nơi có công trình, trang bị, thiết bị hàng không mà việc ra vào và hoạt động tại đó phải được kiểm tra, soi chiếu, giám sát an ninh hàng không dân dụng, được bảo vệ nhằm ngăn ngừa và chống lại các hành vi can thiệp bất hợp pháp.

2. Việc thiết lập, bảo vệ các khu vực hạn chế tại cảng hàng không, sân bay và nơi có công trình, trang bị, thiết bị hàng không phải phù hợp với mục đích bảo đảm an ninh hàng không dân dụng và tính chất hoạt động hàng không dân dụng nhưng không gây cản trở cho người, phương tiện vào, ra và hoạt động bình thường tại khu vực hạn chế; được quy định cụ thể trong Chương trình an ninh hàng không dân dụng Việt Nam.

3. Người, phương tiện ra, vào và hoạt động tại khu vực hạn chế phải có thẻ kiểm soát an ninh hàng không dân dụng, giấy phép kiểm soát an ninh hàng không dân dụng do Cục Hàng không Việt Nam, Cảng vụ hàng không liên quan cấp, trừ trường hợp hành khách đi tàu bay hoặc trường hợp khẩn cấp liên quan đến an ninh hàng không dân dụng. Cục Hàng không Việt Nam thống nhất với cơ quan liên quan về việc cấp và sử dụng thẻ kiểm soát an ninh hàng không dân dụng cho cán bộ, nhân viên của các cơ quan quản lý nhà nước khác tại cảng hàng không, sân bay.

4. Người khai thác cảng hàng không, sân bay chịu trách nhiệm tổ chức lực lượng an ninh thực hiện tuần tra, canh gác, kiểm tra, soi chiếu, giám sát an ninh tại khu vực hạn chế của nhà ga, sân bay do người khai thác cảng hàng không, sân bay quản lý, khai thác nhằm ngăn chặn, đối phó kịp thời các hành vi can thiệp bất hợp pháp và các hành vi vi phạm pháp luật khác.

5. Cơ quan, doanh nghiệp chủ quản khu vực hạn chế chịu trách nhiệm tổ chức, bố trí lực lượng an ninh thực hiện tuần tra, canh gác, kiểm tra, soi chiếu, giám sát an ninh đối với các khu vực hạn chế sau đây:

- a) Khu vực đài kiểm soát không lưu;
- b) Khu vực hạn chế nằm ngoài nhà ga, sân bay.

6. Tại các sân bay dùng chung giữa dân dụng và quân sự, đơn vị quân đội chịu trách nhiệm tổ chức lực lượng bảo vệ trong phạm vi quản lý theo chức năng, nhiệm vụ của mình; phối hợp với lực lượng an ninh hàng không dân dụng tuần tra, canh gác, bảo vệ khu vực lân cận giữa khu vực sử dụng cho hoạt động hàng không dân dụng và khu vực sử dụng cho hoạt động quân sự.

Điều 6. Bảo đảm an ninh khu vực công cộng thuộc đất cảng hàng không, sân bay

1. Người khai thác cảng hàng không, sân bay thiết lập các chốt kiểm soát an ninh hàng không dân dụng, bố trí nhân viên an ninh hàng không dân dụng và thiết bị phù hợp, tổ chức tuần tra, kiểm soát; duy trì trật tự tại các khu vực công cộng thuộc đất cảng hàng không, sân bay; phát hiện, xử lý kịp thời những hành vi vi phạm pháp luật, gây rối, hành lý vô chủ, những vật nghi ngờ, vũ khí, chất nổ hay các thiết bị, vật, chất nguy hiểm khác.

2. Công an các cấp nơi có cảng hàng không, sân bay có trách nhiệm bố trí lực lượng tuần tra chung với lực lượng an ninh hàng không dân dụng tại khu vực công cộng; xử lý kịp thời các hành vi gây rối trật tự, vi phạm an toàn giao thông đường bộ; đấu tranh với các loại tội phạm hoạt động tại khu vực công cộng của cảng hàng không.

Điều 7. Bảo đảm an ninh khu vực lân cận

1. Ủy ban nhân dân địa phương vùng lân cận chịu trách nhiệm quản lý, giáo dục, tuyên truyền các quy định về an ninh, an toàn hàng không cho nhân dân cư trú trong vùng lân cận; phát hiện, xử lý kịp thời các hành vi vi phạm an toàn tĩnh không sân bay, xâm canh, xâm cư, lấn chiếm trái phép, làm hư hỏng các công trình, cơ sở kỹ thuật bảo đảm hoạt động bay có trên địa bàn.

2. Công an các cấp khu vực lân cận cảng hàng không, sân bay chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức liên quan xây dựng và thực hiện phương án phòng ngừa, ngăn chặn các hành vi tấn công, cướp phá cảng hàng không, sân bay, tàu bay trong giai đoạn cất, hạ cánh.

3. Công an cấp phường, xã khu vực lân cận với cảng hàng không, sân bay chủ trì, phối hợp với lực lượng an ninh hàng không dân dụng, lực lượng bảo vệ của các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức tuần tra khu vực lân cận bên ngoài cảng hàng không, sân bay nhằm phát hiện, xử lý kịp thời các hành vi vi phạm pháp luật.

Điều 8. Kiểm tra, soi chiếu, giám sát an ninh hàng không dân dụng đối với chuyến bay

1. Kiểm tra an ninh là các biện pháp được sử dụng nhằm ngăn chặn việc đưa các chất nổ, vũ khí hoặc các vật nguy hiểm khác có thể được sử dụng để thực hiện hành vi can thiệp bất hợp pháp.

2. Soi chiếu an ninh là một biện pháp kiểm tra an ninh thông qua việc sử dụng phương tiện kỹ thuật, động vật, giác quan của người hoặc những phương tiện khác để nhận biết và phát hiện vũ khí, chất nổ hoặc thiết bị, vật phẩm nguy hiểm khác.

3. Giám sát an ninh là việc sử dụng nhân viên an ninh hàng không dân dụng, thiết bị kỹ thuật để quản lý, theo dõi người, phương tiện nhằm phát hiện, ngăn chặn các hành vi vi phạm hoặc có dấu hiệu vi phạm, uy hiếp an ninh hàng không dân dụng.

4. Người, hành lý, hàng hoá, thư, bưu phẩm, bưu kiện, đồ vật, phương tiện, nguyên vật liệu đưa lên tàu bay chịu sự kiểm tra, soi chiếu, giám sát an ninh trực tiếp của lực lượng an ninh hàng không dân dụng thuộc người khai thác cảng hàng không, sân bay bằng biện pháp thích hợp.

Điều 9. Bảo đảm an ninh đối với hành khách, tổ bay và hành lý

1. Hành khách không được mang theo người hoặc để trong hành lý xách tay những vật phẩm nguy hiểm khi đi tàu bay, trừ trường hợp được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép.

2. Tổ bay, hành khách xuất phát, quá cảnh, nối chuyến và hành lý xách tay của họ trước khi lên tàu bay phải qua kiểm tra, soi chiếu an ninh; sau khi kiểm tra, soi chiếu phải được cách ly, giám sát an ninh liên tục cho tới khi lên tàu bay. Trường hợp đã qua kiểm tra, soi chiếu mà có tiếp xúc hoặc lẫn lộn với người chưa qua kiểm tra, soi chiếu thì phải kiểm tra, soi chiếu lại.

3. Hành lý ký gửi xuất phát, nối chuyến phải qua soi chiếu tại điểm soi chiếu an ninh ở cảng hàng không, sân bay, sau khi soi chiếu phải được giám sát an ninh cho tới khi chất xếp lên tàu bay. Trường hợp phát hiện hành lý ký gửi đã qua soi chiếu có dấu hiệu đã bị can thiệp trái phép thì phải kiểm tra lại.

4. Hành lý ký gửi đã chất xếp lên tàu bay nhưng không có hành khách đi cùng trên chuyến bay phải được đưa xuống khỏi tàu bay trước khi chuyến bay khởi hành, trừ trường hợp được xác định là hành lý ký gửi được phép chuyên chở không cùng hành khách theo quy định của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam và hành lý ký gửi đó phải được kiểm tra, soi chiếu lại.

5. Người khai thác tàu bay thương mại chỉ được phép chuyên chở các kiện hành lý ký gửi của từng cá nhân riêng lẻ có hoặc không có hành khách đi cùng đã được soi chiếu theo đúng các quy định và đã được hãng vận chuyển chấp nhận chuyên chở trên chuyến bay. Dữ liệu thông tin về hành lý phải được cơ quan, tổ chức làm dịch vụ thương mại mặt đất cập nhật, lưu giữ tại điểm xuất phát và thông báo cho người khai thác tàu bay biết để xử lý.

6. Người khai thác cảng hàng không, sân bay chịu trách nhiệm tổ chức lực lượng an ninh hàng không dân dụng thực hiện kiểm tra, soi chiếu và giám sát an ninh liên tục đối với hành khách, tổ bay, hành lý đưa lên tàu bay.

Điều 10. Bảo đảm an ninh đối với hàng hoá, thư, bưu phẩm, bưu kiện

1. Người khai thác cảng hàng không, sân bay chịu trách nhiệm tổ chức lực lượng an ninh hàng không dân dụng thực hiện kiểm tra, soi chiếu và giám sát an ninh đối với hàng hoá, thư bưu phẩm, bưu kiện tại cảng hàng không, sân bay; kiểm tra, soi chiếu và giám sát an ninh đối với hàng hoá, thư bưu phẩm, bưu kiện ngoài cảng hàng không, sân bay.

2. Hàng hoá, thư, bưu phẩm, bưu kiện vận chuyển trên tàu bay phải được kiểm tra soi chiếu trước khi được chất xếp lên tàu bay, sau khi soi chiếu phải được giám sát an ninh cho tới khi chất xếp lên tàu bay. Trường hợp phát hiện hàng hoá, thư, bưu phẩm, bưu kiện đã soi chiếu có dấu hiệu bị can thiệp trái phép thì phải soi chiếu lại.

3. Hàng hoá, thư, bưu phẩm, bưu kiện vận chuyển trên tàu bay hàng hoá phải thực hiện các biện pháp kiểm soát an ninh thích hợp và bảo vệ kể từ khi chấp nhận cho tới khi chất xếp lên tàu bay.

4. Túi thư ngoại giao, túi thư lãnh sự được miễn kiểm tra, soi chiếu an ninh hàng không. Việc mở, từ chối vận chuyển túi thư ngoại giao, túi thư lãnh sự phải tuân thủ các quy định của pháp luật về ngoại giao và lãnh sự.

Điều 11. Bảo đảm an ninh đối với suất ăn, đồ vật dự phòng, phục vụ trên chuyến bay, nhiên liệu cho tàu bay và các đồ vật khác đưa lên tàu bay

1. Suất ăn, đồ vật dự phòng, đồ vật phục vụ trên chuyến bay, nhiên liệu cho tàu bay và các đồ vật khác đưa lên tàu bay phải thực hiện các biện pháp kiểm tra an ninh thích hợp, sau khi kiểm tra phải được bảo vệ cho tới khi đưa lên tàu bay.

2. Người khai thác cảng hàng không, sân bay chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các biện pháp an ninh đối với suất ăn, nhiên liệu cho tàu bay, đồ vật dự phòng, đồ vật phục vụ trên tàu bay và các đồ vật khác đưa lên tàu bay theo quy chế, Chương trình an ninh hàng không dân dụng tương ứng được phê duyệt.

Điều 12. Kiểm tra và lục soát an ninh tàu bay

1. Trước mỗi chuyến bay, người khai thác tàu bay phải tự thực hiện hoặc hợp đồng với lực lượng an ninh hàng không dân dụng thực hiện kiểm tra an ninh bên trong các khoang của tàu bay và bên ngoài của tàu bay để tìm ra những vật nghi ngờ, vũ khí, chất nổ hay các thiết bị, vật, chất nguy hiểm khác.

2. Khi hành khách rời khỏi tàu bay tại bất cứ điểm dừng nào của chuyến bay, người khai thác tàu bay phải kiểm tra và xác định hành khách không để lại hành lý hoặc bất cứ vật gì trên tàu bay.

3. Khi có thông tin đe dọa liên quan đến an ninh, an toàn tàu bay, người khai thác tàu bay phối hợp với lực lượng an ninh hàng không dân dụng tại cảng hàng không thực hiện các phương án khẩn nguy, lục soát, kiểm tra toàn bộ bên trong và bên ngoài tàu bay để tìm ra những vật nghi ngờ, vũ khí, chất nổ hay các thiết bị, vật, chất nguy hiểm khác.

4. Chỉ cho phép hành khách, hành lý, hàng hoá lên tàu bay, cho phép tàu bay khởi hành sau khi đã xác định không có vật nghi ngờ, vũ khí, chất nổ hay các thiết bị, vật, chất nguy hiểm khác trên tàu bay.

Điều 13. Bảo vệ tàu bay

Tàu bay sau khi kiểm tra, lục soát an ninh xong phải được bảo vệ, ngăn chặn việc tiếp cận, lên tàu bay trái phép cho tới khi khởi hành. Người khai thác tàu bay phải thực hiện các biện pháp thích hợp để bảo vệ tàu bay khi đỗ tại sân bay hoặc đỗ tại bãi đỗ ở ngoài sân bay và khi tàu bay vào xưởng sửa chữa, bảo dưỡng.

Điều 14. Bảo đảm an ninh trên chuyến bay

1. Trong thời gian tàu bay đang bay, người chỉ huy tàu bay chỉ huy công tác bảo đảm an ninh trên chuyến bay, được áp dụng các biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn, đối phó với hành vi can thiệp bất hợp pháp, vi phạm các quy định về bảo đảm an toàn hàng không, hành vi gây rối, vi phạm trật tự, an toàn xã hội, không tuân thủ yêu cầu, sự điều hành của tổ bay theo quy định pháp luật; bàn giao cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi tàu bay hạ cánh tại cảng hàng không, sân bay gần nhất đối với những người thực hiện các hành vi đó.

2. Thành viên tổ bay có trách nhiệm tuân thủ mệnh lệnh, sự chỉ huy, điều hành của người chỉ huy tàu bay; thực hiện các biện pháp bảo đảm an ninh, duy trì trật tự kỷ luật trong tàu bay; phối hợp với nhân viên an ninh trên không giải quyết và xử lý các trường hợp tàu bay đang bay bị can thiệp bất hợp pháp.

3. Nhân viên an ninh trên không có trách nhiệm tuân thủ mệnh lệnh, sự chỉ huy, điều hành của người chỉ huy tàu bay; chủ động thực hiện các biện pháp phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn, đối phó với hành vi can thiệp bất hợp pháp trên tàu bay; phối hợp với thành viên tổ bay giải quyết và xử lý các trường hợp tàu bay đang bay bị can thiệp bất hợp pháp.

Điều 15. Bảo đảm an ninh khi mang vũ khí, công cụ hỗ trợ lên tàu bay

1. Những cán bộ, nhân viên an ninh sau đây được phép mang theo vũ khí, công cụ hỗ trợ, trang thiết bị kỹ thuật bảo vệ theo người lên tàu bay trên các chuyến bay của hãng hàng không Việt Nam:

a) Cán bộ, chiến sĩ cảnh vệ khi thực hiện nhiệm vụ bảo vệ lãnh đạo Đảng, Nhà nước, khách quốc tế;

b) Nhân viên an ninh trên không thực hiện nhiệm vụ bảo đảm an ninh trên chuyến bay.

2. Cán bộ áp giải bị can, bị cáo, phạm nhân, người bị trục xuất, dẫn độ, người bị bắt theo quyết định truy nã, người bị từ chối nhập cảnh được phép mang theo công cụ hỗ trợ thích hợp lên tàu bay khi thực hiện nhiệm vụ áp giải.

3. Người được mang vũ khí, công cụ hỗ trợ theo quy định pháp luật nhưng không thuộc đối tượng quy định tại các khoản 1 và 2 của Điều này phải ký gửi vũ khí, công cụ hỗ trợ cho hãng hàng không khi làm thủ tục đi tàu bay. Vũ khí, công cụ hỗ trợ phải trong trạng thái an toàn. Người khai thác tàu bay phải cất giữ vũ khí, công cụ hỗ trợ ở vị trí hành khách không thể tiếp cận được trong suốt chuyến bay.

4. Người được trang bị vũ khí, công cụ hỗ trợ phải xuất trình giấy phép sử dụng do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp cho đại diện an ninh hàng không dân dụng khi làm thủ tục hàng không.

5. Người chỉ huy tàu bay phải được thông báo về tên, chỗ ngồi, lý do hành khách được phép mang vũ khí, công cụ hỗ trợ trên chuyến bay; những hành khách mang vũ khí, công cụ hỗ trợ trên cùng chuyến bay phải được thông báo vị trí ngồi của nhau. Tiếp viên hàng không không cung cấp các loại đồ uống có chất kích thích hoặc dung dịch có cồn cho những người mang theo vũ khí, công cụ hỗ trợ trên tàu bay.

Điều 16. Bảo đảm an ninh cho chuyến bay khi có hành khách đặc biệt

1. Hành khách đặc biệt là những hành khách khi được vận chuyển trên chuyến bay sẽ tiềm ẩn những yếu tố uy hiếp đến an ninh, an toàn của chuyến bay, bao gồm những hành khách:

a) Hành khách gây rối;

b) Người mất khả năng làm chủ hành vi;

c) Người bị từ chối nhập cảnh;

d) Bị can, bị cáo, phạm nhân, người bị trục xuất, dẫn độ, người bị bắt theo quyết định truy nã.

2. Hành khách gây rối là hành khách:

a) Không chấp hành các quy định, hướng dẫn của nhân viên hàng không tại cảng hàng không, sân bay hoặc trên tàu bay;

b) Gây rối trật tự và kỷ luật tại cảng hàng không, sân bay hoặc trên tàu bay;

c) Tung tin, cung cấp thông tin sai đến mức uy hiếp an toàn, an ninh của cảng hàng không, sân bay, tàu bay đang bay hoặc trên mặt đất và hành khách.

3. Hành khách sau đây khi vận chuyển phải có người của cơ quan nhà nước có thẩm quyền áp giải:

a) Bị can, bị cáo, phạm nhân, người bị dẫn độ, người bị bắt theo quyết định truy nã;

b) Người bị trục xuất có người áp giải theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

4. Căn cứ vào tính chất và mức độ vi phạm, Cục Hàng không Việt Nam lập danh sách người bị cấm chuyên chở có thời hạn hoặc vĩnh viễn trong các trường hợp sau đây:

a) Hành khách gây rối quy định tại các điểm a, b khoản 2 Điều này tái phạm nhiều lần;

b) Hành khách gây rối quy định tại điểm c khoản 2 Điều này;

c) Người có hành vi can thiệp bất hợp pháp khác vào hoạt động hàng không dân dụng;

d) Theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

5. Danh sách hành khách bị cấm vận chuyển nêu tại khoản 1 Điều này được áp dụng đối với các chuyến bay nội địa, chuyến bay quốc tế xuất phát từ Việt Nam của tất cả các hãng hàng không Việt Nam và nước ngoài.

6. Cục Hàng không Việt Nam xem xét, quyết định trong trường hợp có đề nghị của nhà chức trách có thẩm quyền của nước ngoài về hành khách bị cấm vận chuyển.

Điều 17. Từ chối vận chuyển hành khách vì lý do an ninh

1. Hãng hàng không có quyền từ chối vận chuyển các hành khách sau đây trong trường hợp không thực hiện được các biện pháp an ninh để bảo đảm an ninh, an toàn cho chuyến bay:

a) Hành khách quy định tại các điểm a, b, c khoản 1, khoản 2 Điều 16 của Nghị định này;

b) Người bị trục xuất không có người áp giải;

c) Theo yêu cầu của nhà chức trách có thẩm quyền của Việt Nam hoặc nước ngoài.

2. Khi áp giải bị can, bị cáo, phạm nhân, người bị trục xuất, dẫn độ, người bị bắt theo quyết định truy nã bằng đường hàng không, cơ quan áp giải thông báo, cung cấp cho hãng hàng không vận chuyển về họ, tên, ngày, tháng, năm sinh; cấp bậc, chức vụ, đơn vị của hành khách áp giải; họ, tên, ngày, tháng, năm sinh, địa chỉ thường trú, tạm trú của hành khách bị áp giải; lệnh hoặc quyết định áp giải của cơ quan có thẩm quyền; đồng thời trao đổi thông nhất với hãng hàng không vận chuyển về các biện pháp bảo đảm an ninh, an toàn trong quá trình áp giải.

Điều 18. Cấp độ tăng cường bảo đảm an ninh hàng không dân dụng

1. Các biện pháp bảo đảm an ninh sẽ được tăng cường khi có nguy cơ cao đối với an ninh hàng không dân dụng, tùy vào mức độ của nguy cơ an ninh hàng không dân dụng tăng cường có 3 cấp độ.

2. Cấp độ 1 được áp dụng trong các trường hợp sau đây:

- a) Có sự kiện chính trị, xã hội trọng đại của đất nước;
- b) Có tình hình an ninh chính trị, trật tự xã hội phức tạp.

3. Cấp độ 2 được áp dụng trong trường hợp sau:

a) Có thông tin tình báo về một âm mưu can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động hàng không dân dụng nhưng chưa xác định địa điểm, mục tiêu, thời gian cụ thể;

b) Có tình hình mất an ninh chính trị, trật tự xã hội nghiêm trọng tại địa phương.

4. Cấp độ 3 được áp dụng trong các trường hợp sau:

a) Có thông tin tình báo về một âm mưu can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động hàng không dân dụng có địa điểm, mục tiêu, thời gian cụ thể;

b) Có tình hình mất an ninh chính trị, trật tự xã hội đặc biệt nghiêm trọng tại địa phương.

Điều 19. Quyết định áp dụng cấp độ tăng cường bảo đảm an ninh hàng không dân dụng

1. Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quyết định áp dụng, huỷ bỏ tăng cường bảo đảm an ninh hàng không dân dụng ở cấp độ 1, cấp độ 2 khi nhận được thông tin tình báo do cơ quan có thẩm quyền cung cấp.

2. Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam quyết định áp dụng, huỷ bỏ tăng cường bảo đảm an ninh hàng không dân dụng ở cấp độ 3.

Điều 20. Các biện pháp bảo đảm an ninh hàng không dân dụng tăng cường

1. Biện pháp bảo đảm an ninh hàng không dân dụng tăng cường áp dụng cho từng cấp độ phải được quy định cụ thể trong Chương trình an ninh hàng không dân dụng Việt Nam.

2. Khi có quyết định áp dụng cấp độ tăng cường bảo đảm an ninh hàng không dân dụng, người khai thác cảng hàng không, sân bay, hãng hàng không và các cơ quan, đơn vị liên quan phải thực hiện ngay các biện pháp tăng cường áp dụng cho cấp độ đó.

Điều 21. Bảo đảm hiệu quả của công tác bảo đảm an ninh hàng không dân dụng

1. Cục Hàng không Việt Nam tổ chức thử nghiệm, khảo sát, kiểm tra, thanh tra để đánh giá việc tuân thủ các quy định, biện pháp, quy trình, thủ tục an ninh của người khai thác cảng hàng không, sân bay, người khai thác tàu bay, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hàng không và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

2. Những người thực hiện thử nghiệm, khảo sát, kiểm tra, thanh tra an ninh phải có thẻ giám sát viên an ninh hàng không dân dụng do Cục Hàng không Việt Nam cấp. Giám sát viên an ninh hàng không dân dụng khi thực hiện nhiệm vụ phải xuất trình thẻ, được quyền tiếp cận, vào bất kỳ khu vực hạn chế, phương tiện, thiết bị hàng không, tàu bay, yêu cầu cung cấp thông tin, tài liệu để thực hiện nhiệm vụ; được quyền đình chỉ các hành vi vi phạm, lập biên bản, thu hồi tài liệu, thẻ, giấy phép có liên quan của đối tượng vi phạm.

3. Kết quả các cuộc thử nghiệm, khảo sát, kiểm tra, thanh tra an ninh phải được phân tích, đánh giá các nguy cơ uy hiếp an ninh hàng không dân dụng để có biện pháp khắc phục kịp thời.

4. Hồ sơ, tài liệu các cuộc thử nghiệm, khảo sát, kiểm tra, thanh tra an ninh phải được quản lý, lưu trữ thành hệ thống.

Chương III

TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC CÓ LIÊN QUAN

Điều 22. Trách nhiệm của Bộ Giao thông vận tải

1. Thực hiện quản lý nhà nước về an ninh hàng không dân dụng; ban hành theo thẩm quyền hoặc trình các cấp có thẩm quyền ban hành các chính sách, văn bản quy phạm pháp luật, thủ tục hành chính, tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về an ninh hàng không dân dụng.

2. Phối hợp với Bộ Công an, Bộ Quốc phòng và các Bộ, ngành liên quan trong việc thu thập thông tin, đánh giá các nguy cơ đe dọa đối với an ninh hàng không dân dụng Việt Nam; quyết định các biện pháp bảo đảm an ninh hàng không dân dụng theo thẩm quyền.

3. Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định cụ thể công tác bảo đảm an ninh hàng không dân dụng trong xây dựng và cải tạo cảng hàng không, sân bay; hồ sơ, thủ tục cấp thẻ kiểm soát an ninh hàng không dân dụng, giấy phép kiểm soát an ninh hàng không dân dụng.

4. Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư về Chương trình an ninh hàng không dân dụng Việt Nam và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không dân dụng, Thông tư quy định về đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ, huấn luyện an ninh hàng không dân dụng; uỷ quyền cho Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam: Phê duyệt Chương trình an ninh hàng không dân dụng của người khai thác cảng hàng không, sân bay, Chương trình an ninh hàng không dân dụng của người khai thác tàu bay Việt Nam, phương án điều hành tàu bay đang bay bị can thiệp bất hợp pháp; chấp thuận Chương trình an ninh hàng không dân dụng của các hãng hàng không nước ngoài khai thác tại Việt Nam; ban hành danh mục vật phẩm nguy hiểm không được mang theo người, hành lý lên tàu bay.

5. Bộ Giao thông vận tải có trách nhiệm lập dự toán kinh phí cho công tác bảo đảm an ninh hàng không theo quy định pháp luật.

6. Chỉ đạo Cục Hàng không Việt Nam trong công tác bảo đảm an ninh hàng không dân dụng, công tác phòng, chống khủng bố, đối phó với hành vi can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động hàng không dân dụng. Phối hợp với các Bộ, ngành liên quan để điều phối thực hiện hiệu quả Chương trình an ninh hàng không dân dụng Việt Nam và các quy định khác của pháp luật trong lĩnh vực an ninh hàng không dân dụng và điều ước quốc tế mà Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

Điều 23. Trách nhiệm của Bộ Công an

1. Định kỳ và đột xuất trao đổi, cung cấp thông tin về tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; âm mưu, phương thức, thủ đoạn hoạt động của bọn khủng bố, các tổ chức phản động và các loại tội phạm, nhất là các thông tin về âm mưu can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động hàng không dân dụng cho Bộ Giao thông vận tải (qua Cục Hàng không Việt Nam). Chỉ đạo các đơn vị thuộc Bộ Công an phối hợp với Cục Hàng không Việt Nam trong việc đánh giá những rủi ro và mức độ đe dọa đối với hoạt động hàng không dân dụng.

2. Chỉ đạo các đơn vị công an trung ương, cơ sở nơi có cảng hàng không, sân bay và các công trình, trang thiết bị của cơ sở cung cấp dịch vụ không lưu triển khai các công tác:

a) Thông báo tình hình có liên quan đến an ninh, trật tự, tội phạm và vi phạm pháp luật khác;

b) Xây dựng phương án bảo vệ địa bàn nơi có cảng hàng không, sân bay và các công trình, trang thiết bị của cơ sở cung cấp dịch vụ không lưu; thực hiện các biện pháp phòng chống tội phạm;

c) Chủ trì, phối hợp với lực lượng an ninh hàng không dân dụng, bảo vệ của ngành hàng không tổ chức tuần tra, duy trì trật tự, an toàn xã hội tại địa bàn; đảm bảo an ninh, an toàn khu vực lân cận cảng hàng không để phòng ngừa nguy cơ tấn công tàu bay từ mặt đất bằng các loại vũ khí khi tàu bay cất, hạ cánh và các hành vi vi phạm an toàn tĩnh không;

d) Tiếp nhận, xử lý tội phạm và các vụ việc vi phạm về an ninh, trật tự, an toàn giao thông theo quy định pháp luật;

đ) Tổ chức, quản lý và làm thủ tục xuất cảnh, nhập cảnh đối với hành khách, thành viên tổ bay đi trên chuyến bay quốc tế; chủ trì, phối hợp quản lý, giám sát hành khách bị từ chối nhập cảnh;

e) Xây dựng và triển khai thực hiện Phương án khẩn nguy đối phó với hành vi can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động hàng không dân dụng trong phạm vi trách nhiệm theo quy định pháp luật.

3. Tổ chức đào tạo, huấn luyện, bồi dưỡng, hướng dẫn về mặt nghiệp vụ trong việc thực hiện các biện pháp bảo đảm an ninh hàng không cho lực lượng an ninh hàng không dân dụng, lực lượng bảo vệ, lực lượng phòng cháy, chữa cháy của ngành hàng không dân dụng.

Điều 24. Trách nhiệm của Bộ Quốc phòng

1. Định kỳ và đột xuất trao đổi, cung cấp thông tin về tình hình âm mưu, phương thức, thủ đoạn hoạt động của bọn khủng bố, các tổ chức phản động và các loại tội phạm, nhất là các thông tin về âm mưu can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động hàng không dân dụng cho Bộ Giao thông vận tải (qua Cục Hàng không Việt Nam). Chỉ đạo các đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng phối hợp với Cục Hàng không Việt Nam trong việc đánh giá những rủi ro và mức độ đe dọa đối với hoạt động hàng không dân dụng.

2. Chỉ đạo các đơn vị quân đội các cấp nơi có cảng hàng không, sân bay phối hợp xây dựng và triển khai thực hiện Phương án khẩn nguy đối phó với hành vi can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động hàng không dân dụng trong phạm vi trách nhiệm của mình theo quy định pháp luật.

3. Chỉ đạo các đơn vị quân đội nơi có cảng hàng không, sân bay dùng chung kiểm soát các lối vào khu vực sử dụng cho hoạt động hàng không dân dụng từ các khu vực sử dụng cho hoạt động quân sự; phối hợp với lực lượng an ninh hàng không dân dụng tuần tra, canh gác, bảo vệ khu vực lân cận giữa khu vực sử dụng cho hoạt động hàng không dân dụng và khu vực sử dụng cho hoạt động quân sự.

4. Phối hợp với ngành hàng không thực hiện các biện pháp bảo đảm an ninh hàng không dân dụng đối với hành khách, tàu bay, hàng hoá, thư, bưu phẩm, bưu kiện khi tàu bay dân dụng hoạt động tại khu vực quân sự.

Điều 25. Trách nhiệm của Bộ Tài chính

Chỉ đạo các đơn vị Hải quan tại các cảng hàng không quốc tế phối hợp với lực lượng an ninh hàng không dân dụng trong quá trình kiểm tra, kiểm soát hành lý, hàng hoá, thư, bưu phẩm, bưu kiện để phát hiện ngăn chặn vật phẩm nguy hiểm đưa trái phép lên tàu bay.

Điều 26. Trách nhiệm của Bộ Nội vụ

Chủ trì, phối hợp với Bộ Giao thông vận tải quy định cơ chế tiền lương phù hợp cho các đối tượng là công chức, viên chức chuyên trách và kiêm nhiệm hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong lĩnh vực đảm bảo an ninh thuộc ngành giao thông vận tải.

Điều 27. Trách nhiệm của chính quyền địa phương

Chính quyền địa phương nơi có cảng hàng không, sân bay, nơi lắp đặt các trang thiết bị phục vụ hoạt động hàng không dân dụng có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, đơn vị liên quan để bảo vệ tài sản, bảo vệ tĩnh không, cấm việc thả các vật thể bay trong không trung, duy trì trật tự công cộng và tuyên truyền, vận động nhân dân tuân thủ các quy định về bảo đảm an ninh hàng không dân dụng; triển khai thực hiện Phương án khẩn nguy đối phó với hành vi can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động hàng không dân dụng trong phạm vi trách nhiệm, thẩm quyền của mình.

Điều 28. Trách nhiệm của Cục Hàng không Việt Nam

1. Xây dựng, trình Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư về Chương trình an ninh hàng không dân dụng Việt Nam và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không dân dụng, Chương trình đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ, huấn luyện an ninh hàng không dân dụng.

2. Thừa uỷ quyền Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải phê duyệt Chương trình an ninh hàng không dân dụng của người khai thác cảng hàng không, sân bay, Chương trình an ninh hàng không dân dụng của người khai thác tàu bay Việt Nam, phương án điều hành tàu bay đang bay bị can thiệp bất hợp pháp; chấp thuận Chương trình an ninh hàng không dân dụng của các hãng hàng không nước ngoài khai thác tại Việt Nam.

3. Phê duyệt Quy chế an ninh hàng không dân dụng của các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hàng không, phương án tổ chức lực lượng an ninh hàng không dân dụng của người khai thác cảng hàng không, sân bay, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ không lưu, hãng hàng không Việt Nam. Cấp phép, tạm đình chỉ, thu hồi giấy phép cung cấp dịch vụ an ninh hàng không dân dụng. Cấp, gia hạn, đình chỉ hiệu lực giấy phép khai thác trang bị, thiết bị an ninh hàng không dân dụng. Thẩm định các tiêu chuẩn, yêu cầu về an ninh hàng không dân dụng trong việc thiết kế xây dựng, cải tạo cảng hàng không, sân bay.

4. Ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành văn bản quy định nội bộ, thừa nhận, áp dụng tiêu chuẩn đối với hệ thống kỹ thuật, thiết bị bảo đảm an ninh hàng không dân dụng; tổ chức kiểm tra, cấp giấy phép và năng định chuyên môn cho nhân viên an ninh hàng không dân dụng; quản lý việc cấp thẻ, giấy phép và mẫu thẻ, mẫu giấy phép kiểm soát an ninh hàng không dân dụng và cấp thẻ giám sát viên an ninh hàng không dân dụng.

5. Hướng dẫn, thanh tra, kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật về an ninh hàng không dân dụng đối với các tổ chức, cá nhân trong hoạt động hàng không dân dụng. Thực hiện khảo sát và thử nghiệm an ninh, xử lý các vi phạm thuộc thẩm quyền theo quy định pháp luật.

6. Chỉ đạo, xây dựng lực lượng an ninh hàng không dân dụng thống nhất, bảo đảm khả năng tham gia ứng phó với hành vi can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động hàng không dân dụng, giữ gìn trật tự an toàn xã hội tại các địa bàn hoạt động hàng không dân dụng. Bổ nhiệm giám sát viên an ninh hàng không dân dụng để thực hiện kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật về an ninh hàng không dân dụng.

7. Điều phối công tác bảo đảm an ninh hàng không dân dụng; tổ chức thu thập thông tin, đánh giá các nguy cơ đe dọa đối với an ninh hàng không dân dụng Việt Nam; quyết định áp dụng các tiêu chuẩn, biện pháp, quy trình, thủ tục về an ninh hàng không dân dụng phù hợp với nguy cơ đe dọa thuộc phạm vi thẩm quyền.

8. Phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan để điều phối thực hiện hiệu quả Chương trình an ninh hàng không dân dụng Việt Nam và các quy định khác của pháp luật trong lĩnh vực an ninh hàng không dân dụng và điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

9. Là đầu mối quan hệ, hợp tác quốc tế về an ninh hàng không dân dụng.

10. Chỉ đạo Cảng vụ hàng không thực hiện chức năng kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định về an ninh hàng không dân dụng tại cảng hàng không, sân bay.

Điều 29. Ủy ban An ninh hàng không dân dụng quốc gia

1. Ủy ban An ninh hàng không dân dụng quốc gia là tổ chức phối hợp liên ngành có chức năng giúp Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo các Bộ, ngành, địa phương trong công tác bảo đảm an ninh hàng không dân dụng Việt Nam.

2. Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập và quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, thành viên, cơ cấu tổ chức của Ủy ban An ninh hàng không dân dụng quốc gia.

3. Ủy ban An ninh hàng không dân dụng quốc gia có con dấu, có tài khoản riêng theo quy định pháp luật.

Điều 30. Trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân khác

1. Người khai thác cảng hàng không, sân bay có trách nhiệm:

a) Xây dựng Chương trình an ninh hàng không dân dụng của người khai thác cảng hàng không, sân bay và triển khai thực hiện sau khi được phê duyệt;

b) Xây dựng và triển khai thực hiện Phương án khẩn nguy đối phó ban đầu với hành vi can thiệp bất hợp pháp trong phạm vi trách nhiệm của mình theo quy định pháp luật;

c) Tổ chức xây dựng lực lượng an ninh hàng không dân dụng tập trung, thống nhất, bố trí phương tiện, trang bị, thiết bị và các điều kiện cần thiết khác bảo đảm an ninh hàng không dân dụng, bảo vệ cảng hàng không, sân bay và duy trì trật tự công cộng tại cảng hàng không, sân bay;

d) Khi thiết kế, xây dựng, cải tạo các công trình thuộc cảng hàng không, sân bay phải đảm bảo các yêu cầu, tiêu chuẩn về an ninh hàng không dân dụng;

đ) Cung cấp dịch vụ bảo đảm an ninh hàng không dân dụng tại cảng hàng không, sân bay; dịch vụ bảo đảm an ninh hàng không dân dụng ngoài cảng hàng không, sân bay.

2. Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ không lưu có trách nhiệm:

a) Xây dựng kế hoạch ứng phó không lưu, phương án điều hành tàu bay khi đang bay bị can thiệp bất hợp pháp theo Phương án khẩn nguy tổng thể đối phó với hành vi can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động hàng không dân dụng trong phạm vi trách nhiệm của mình và tổ chức thực hiện sau khi được phê duyệt.

b) Tổ chức xây dựng lực lượng an ninh hàng không dân dụng, bố trí phương tiện, trang bị, thiết bị và các điều kiện cần thiết khác bảo đảm an ninh hàng không dân dụng cho các hoạt động của mình, bảo vệ các cơ sở cung cấp dịch vụ không lưu.

3. Các hãng hàng không Việt Nam có trách nhiệm:

a) Xây dựng Chương trình an ninh hàng không dân dụng và tổ chức thực hiện sau khi được phê duyệt;

b) Triển khai thực hiện Phương án khẩn nguy đối phó với hành vi can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động hàng không dân dụng trong phạm vi trách nhiệm của mình theo quy định pháp luật;

c) Bố trí tối thiểu 02 (hai) chỗ ngồi trên chuyến bay để vận chuyển lực lượng an ninh đi làm nhiệm vụ khi nhận được yêu cầu của Bộ Giao thông vận tải;

d) Kinh phí mua vé hành khách để các lực lượng an ninh hàng không dân dụng đi làm nhiệm vụ do các cơ quan cử người thanh toán theo quy định pháp luật.

4. Hãng hàng không nước ngoài thực hiện vận chuyển thường lệ đến và đi từ Việt Nam phải trình Cục Hàng không Việt Nam Chương trình an ninh hàng không dân dụng đã được cơ quan có thẩm quyền của quốc gia nơi hãng hàng không có trụ sở chính hoặc có địa điểm kinh doanh chính phê duyệt và triển khai thực hiện sau khi được chấp thuận.

5. Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay xây dựng Quy chế an ninh hàng không dân dụng phù hợp với Chương trình an ninh hàng không dân dụng của người khai thác cảng hàng không, sân bay và triển khai thực hiện sau khi được Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam phê duyệt.

Chương IV

ĐỐI PHÓ VỚI HÀNH VI CAN THIỆP BẤT HỢP PHÁP

Điều 31. Mục đích, yêu cầu và phương châm chỉ đạo đối phó với hành vi can thiệp bất hợp pháp

1. Chủ động phòng ngừa, ngăn chặn và đối phó có hiệu quả, hạn chế tới mức thấp nhất hậu quả tác hại khi xảy ra hành vi can thiệp bất hợp pháp; ưu tiên bảo đảm an toàn cho tính mạng con người; ưu tiên bảo đảm an toàn tính mạng cho con tin và chỉ sử dụng biện pháp bạo lực cần thiết khi không còn cách giải quyết nào khác.

2. Ưu tiên về điều hành bay và các trợ giúp cần thiết khác đối với tàu bay đang bay bị can thiệp bất hợp pháp.

3. Duy trì tối đa khả năng hoạt động bình thường tại nơi xảy ra hành vi can thiệp bất hợp pháp.

4. Tuân thủ quy định của pháp luật Việt Nam, phù hợp Công ước quốc tế về hàng không dân dụng và các điều ước quốc tế liên quan mà Việt Nam tham gia.

5. Thực hiện nguyên tắc 4 tại chỗ: phương án đối phó tại chỗ; lực lượng tại chỗ; trang thiết bị tại chỗ; hậu cần tại chỗ.

Điều 32. Phân nhóm hành vi can thiệp bất hợp pháp

1. Nhóm hành vi nghiêm trọng cấp độ 1 bao gồm:

a) Chiếm đoạt bất hợp pháp tàu bay;

b) Chiếm đoạt và có khả năng sử dụng tàu bay như vũ khí; sử dụng tàu bay vào mục đích ném bom, rải chất độc, vũ khí sinh học, hoá học, chất phóng xạ;

c) Tấn công vũ trang trên tàu bay đang bay (tàu bay đã cất cánh khỏi mặt đất và chưa tiếp đất);

d) Tấn công vũ trang có tổ chức tại cảng hàng không, sân bay, công trình, trang thiết bị phục vụ hoạt động bay;

đ) Chiếm đoạt, gây bạo loạn khủng bố tại cảng hàng không, sân bay, cơ sở cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay;

e) Bắt giữ con tin trên tàu bay.

2. Nhóm hành vi nghiêm trọng cấp độ 2 bao gồm:

a) Đưa bom, mìn, súng, đạn, vũ khí sinh học, hoá học, chất phóng xạ trái pháp luật vào tàu bay, cảng hàng không, sân bay, cơ sở cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay;

b) Tấn công bằng vũ khí vào lực lượng an ninh hàng không dân dụng, lực lượng bảo vệ cảng hàng không, sân bay, cơ sở cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay;

c) Bất giữ con tin tại cảng hàng không, sân bay, cơ sở cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay;

d) Đe dọa đặt bom, mìn vũ khí sinh học, hoá học trên tàu bay đang bay;

3. Nhóm hành vi nghiêm trọng cấp độ 3 bao gồm:

a) Đưa chất cháy, chất nổ, vũ khí thô sơ, chất thông thường tạo thành chất nguy hiểm với mục đích chế tạo chất nổ và các vật phẩm nguy hiểm khác trái pháp luật vào tàu bay, cảng hàng không sân bay, cơ sở cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay;

b) Đe dọa đặt bom, mìn, vũ khí sinh học, hoá học tại cảng hàng không, sân bay, cơ sở cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay;

c) Các hành vi phá hoại tàu bay, cảng hàng không, sân bay, cơ sở cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay;

d) Tấn công lực lượng an ninh hàng không dân dụng, lực lượng bảo vệ để xâm nhập trái pháp luật vào tàu bay, cảng hàng không, sân bay, cơ sở cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay.

Điều 33. Đối phó trực tiếp với hành vi can thiệp bất hợp pháp

Đối phó trực tiếp với hành vi can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động hàng không dân dụng thực hiện theo quy định tại Phương án khẩn nguy tổng thể đối phó với hành vi can thiệp bất hợp pháp do Thủ tướng Chính phủ ban hành.

Chương V LỰC LƯỢNG AN NINH HÀNG KHÔNG DÂN DỤNG

Điều 34. Địa bàn hoạt động của lực lượng an ninh hàng không dân dụng

Địa bàn hoạt động của lực lượng an ninh hàng không dân dụng bao gồm: cảng hàng không, sân bay; cơ sở cung cấp dịch vụ không lưu; tàu bay; cơ sở sản xuất, bảo dưỡng, sửa chữa tàu bay, thiết bị tàu bay; cơ sở xử lý hàng hoá, thư, bưu phẩm, bưu kiện; cơ sở cung cấp dịch vụ hàng không khác.

Điều 35. Cơ cấu tổ chức của lực lượng an ninh hàng không dân dụng

1. Lực lượng an ninh hàng không dân dụng bao gồm:

a) Cán bộ tham mưu, kiểm tra, giám sát an ninh hàng không dân dụng thuộc Cục Hàng không Việt Nam, Cảng vụ hàng không.

b) Cán bộ tham mưu, kiểm tra, giám sát an ninh hàng không dân dụng, nhân viên an ninh hàng không dân dụng thuộc doanh nghiệp cảng hàng không, sân bay, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ không lưu, các hãng hàng không Việt Nam.

2. Lực lượng an ninh hàng không dân dụng được tổ chức thống nhất, chịu sự chỉ đạo của Cục Hàng không Việt Nam; chịu sự quản lý trực tiếp tương ứng của Cục Hàng không Việt Nam, Cảng vụ hàng không, người khai thác cảng hàng không, sân bay, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ không lưu, hãng hàng không Việt Nam.

3. Cán bộ, nhân viên trong lực lượng an ninh hàng không dân dụng là công dân Việt Nam từ 18 tuổi trở lên, có sức khỏe, có phẩm chất đạo đức, lai lịch chính trị rõ ràng và không nghiện ma túy; chấp hành sự thẩm tra, kiểm tra, giám sát của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Không tuyển chọn người đã có tiền án, tiền sự, từng nghiện ma túy vào lực lượng an ninh hàng không dân dụng. Đưa người bị kết tội, kết án, nghiện ma túy ra khỏi lực lượng an ninh hàng không dân dụng.

4. Cán bộ, nhân viên thuộc lực lượng an ninh hàng không dân dụng phải được Cục Hàng không Việt Nam cấp thẻ giám sát viên an ninh hàng không dân dụng hoặc giấy phép nhân viên an ninh hàng không dân dụng theo quy định pháp luật để thực hiện các nhiệm vụ được phân công.

5. Phương án tổ chức lực lượng an ninh hàng không dân dụng của người khai thác cảng hàng không, sân bay, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ không lưu, hãng hàng không Việt Nam phải trình Cục Hàng không Việt Nam phê duyệt.

Điều 36. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và chế độ của lực lượng an ninh hàng không dân dụng

1. Lực lượng an ninh hàng không dân dụng là lực lượng chuyên trách, thực hiện nhiệm vụ bảo đảm an ninh hàng không dân dụng theo quy định pháp luật.

2. Lực lượng an ninh hàng không dân dụng có các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

- a) Tham mưu, kiểm tra, giám sát an ninh hàng không dân dụng;
- b) Thực hiện các biện pháp bảo đảm an ninh hàng không dân dụng;
- c) Tham gia phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn và đối phó với hành vi can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động hàng không dân dụng, các hành vi gây rối và vi phạm pháp luật khác.

3. Cán bộ, nhân viên an ninh hàng không dân dụng trong khi làm nhiệm vụ mà bị thương, hy sinh thì được hưởng chế độ, chính sách và được xem xét để công nhận là thương binh, liệt sỹ theo quy định pháp luật.

Điều 37. Nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể của cán bộ tham mưu, kiểm tra, giám sát an ninh hàng không dân dụng

1. Nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể của cán bộ tham mưu, kiểm tra, giám sát an ninh hàng không dân dụng thuộc Cục Hàng không Việt Nam, Cảng vụ hàng không bao gồm:

a) Tham mưu về chính sách, biện pháp, văn bản quy phạm pháp luật về bảo đảm an ninh hàng không dân dụng;

b) Kiểm tra, giám sát các tổ chức, cá nhân thực hiện hoạt động hàng không dân dụng việc tuân thủ quy định về bảo đảm an ninh hàng không dân dụng;

c) Lập biên bản vi phạm, đề xuất xử phạt vi phạm theo quy định pháp luật;

d) Triển khai việc kiểm định, giám định, kiểm tra, đánh giá các trang bị, thiết bị, phương tiện bảo đảm an ninh hàng không dân dụng, nhân viên an ninh hàng không dân dụng theo tiêu chuẩn được áp dụng;

đ) Tiếp cận, kiểm tra an ninh tàu bay, cảng hàng không, sân bay, cơ sở cung cấp dịch vụ hàng không, công trình, trang thiết bị, tài liệu, phương tiện, nhân viên hàng không; kiểm tra, yêu cầu tổ chức, cá nhân xuất trình giấy tờ, tài liệu hoặc đồ vật có liên quan đến việc thực hiện các biện pháp bảo đảm an ninh hàng không dân dụng;

e) Đề nghị Thanh tra hàng không, Giám đốc Cảng vụ hàng không đình chỉ thực hiện chuyến bay vì lý do an ninh hàng không dân dụng;

g) Thực hiện nhiệm vụ của giám sát viên an ninh hàng không dân dụng nhằm ngăn chặn khả năng uy hiếp an ninh hàng không dân dụng; lập biên bản về vụ việc xảy ra; chịu trách nhiệm về quyết định của mình theo quy định pháp luật;

h) Được đào tạo, huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ an ninh hàng không dân dụng.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể của cán bộ tham mưu, kiểm tra, giám sát an ninh hàng không dân dụng thuộc doanh nghiệp cảng hàng không, sân bay, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ không lưu, các hãng hàng không Việt Nam bao gồm:

a) Tham mưu trong việc xây dựng và triển khai thực hiện quy định, chính sách, tiêu chuẩn, chương trình, quy trình nghiệp vụ, thực hiện các biện pháp xử lý các hành vi vi phạm về bảo đảm an ninh hàng không dân dụng của doanh nghiệp;

b) Thực hiện công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định về bảo đảm an ninh hàng không dân dụng của doanh nghiệp;

c) Tham gia huấn luyện nghiệp vụ an ninh hàng không dân dụng cho các đối tượng liên quan thuộc doanh nghiệp.

d) Triển khai công tác kiểm tra, giám sát của doanh nghiệp đối với các đơn vị cung cấp dịch vụ an ninh hàng không dân dụng theo hợp đồng đã ký kết;

đ) Được đào tạo, huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ an ninh hàng không dân dụng.

Điều 38. Nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể của nhân viên an ninh hàng không dân dụng thuộc doanh nghiệp cảng hàng không, sân bay

1. Nhân viên an ninh hàng không dân dụng thuộc doanh nghiệp cảng hàng không, sân bay bao gồm: nhân viên an ninh soi chiếu, nhân viên an ninh kiểm soát, nhân viên an ninh cơ động.

2. Nhân viên an ninh hàng không dân dụng thuộc doanh nghiệp cảng hàng không, sân bay thực hiện các biện pháp phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn, đối phó với hành vi can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động hàng không dân dụng tại cảng hàng không, sân bay, có nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể sau đây:

a) Kiểm tra, soi chiếu, giám sát người, hành lý, hàng hoá, thư, bưu phẩm, bưu kiện, phương tiện và các vật phẩm khác khi đưa vào khu vực hạn chế, lên tàu bay; kiểm soát ra, vào, hoạt động của người, phương tiện trong các khu vực hạn chế; kiểm tra, đối chiếu giấy tờ sử dụng đi tàu bay của hành khách khi làm thủ tục cho hành khách;

b) Giám sát an ninh hàng không dân dụng tàu bay tại sân đỗ trước chuyến bay, các khu vực hạn chế; tổ chức tuần tra, canh gác, bảo vệ, kiểm soát an ninh, trật tự tại khu vực sử dụng cho hoạt động dân dụng. Phối hợp chặt chẽ với các đơn vị lực lượng vũ trang để tuần tra, kiểm soát, duy trì an ninh trật tự khu vực sử dụng chung cho hoạt động quân sự và dân dụng tại cảng hàng không, sân bay;

c) Thực hiện các biện pháp phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn các hành vi đe dọa sức khỏe, tính mạng của người, chiếm giữ trụ sở, cơ sở, làm hư hỏng tàu bay, trang thiết bị hàng không, gây rối trật tự, trộm cắp tài sản và các hành vi vi phạm pháp luật khác tại cảng hàng không, sân bay, trên tàu bay;

d) Kiểm tra, giám sát việc vận chuyển vũ khí, công cụ hỗ trợ, vật liệu cháy, nổ, vật dụng nguy hiểm khác đối với người được mang vũ khí vào khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay hoặc lên tàu bay;

đ) Phối hợp với các cơ quan, đơn vị chức năng để rà, phá, xử lý bom, mìn, vũ khí sinh học, hoá học, chất phóng xạ, áp dụng các biện pháp ngăn chặn dịch bệnh tại cảng hàng không, sân bay, trên tàu bay; phối hợp xử lý hành lý, hàng hoá, thư, bưu phẩm, bưu kiện và các đồ vật khác chứa vật phẩm nguy hiểm; tham gia phát hiện các hành vi buôn lậu, vận chuyển người, đồ vật bất hợp pháp;

e) Khi thực hiện nhiệm vụ trong phạm vi hoạt động quy định được phép kiểm tra giấy tờ tùy thân. Thu giữ giấy tờ tùy thân đối với người có hành vi uy hiếp an ninh hàng không dân dụng; thu giữ vũ khí, chất nổ, chất cháy và những vật phẩm nguy hiểm khác đưa trái phép vào cảng hàng không, sân bay; cưỡng chế đối với người cản trở hoặc cố tình chống đối việc thu giữ;

g) Lập hồ sơ đối với người có hành vi uy hiếp an ninh hàng không dân dụng, gây rối trật tự tại cảng hàng không, sân bay, trên tàu bay và chuyển giao cho cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để xử lý theo quy định pháp luật; ngăn chặn hoặc yêu cầu hãng hàng không từ chối vận chuyển đối với hành khách không làm chủ được bản thân hoặc có hành vi, lời nói uy hiếp an toàn, an ninh hàng không dân dụng;

h) Đề nghị Giám đốc Cảng vụ hàng không, Thanh tra hàng không đình chỉ thực hiện chuyến bay nhằm ngăn chặn khả năng uy hiếp an ninh hàng không dân dụng;

i) Lập biên bản vi phạm và đề xuất xử lý vi phạm với người, cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, đồng thời báo cáo ngay cho Cảng vụ hàng không;

k) Bảo đảm an ninh hàng không dân dụng tại cơ sở xử lý hàng hoá, thư, bưu phẩm, bưu kiện, cơ sở cung cấp dịch vụ hàng không khác theo quy định pháp luật;

l) Bảo vệ hiện trường khi xảy ra các vụ việc uy hiếp an ninh hàng không dân dụng và can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động hàng không dân dụng tại cảng hàng không, sân bay;

m) Được đào tạo, huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ an ninh hàng không dân dụng; được trang bị, sử dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ để thực hiện nhiệm vụ theo quy định pháp luật.

Điều 39. Nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể của nhân viên an ninh hàng không dân dụng thuộc doanh nghiệp cung cấp dịch vụ không lưu

1. Nhân viên an ninh hàng không dân dụng thuộc cơ sở cung cấp dịch vụ không lưu bao gồm: nhân viên an ninh soi chiếu, nhân viên an ninh kiểm soát, nhân viên an ninh cơ động.

2. Nhân viên an ninh hàng không dân dụng thuộc cơ sở cung cấp dịch vụ không lưu có nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể sau đây:

a) Thực hiện các biện pháp phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn và đối phó với hành vi can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động hàng không dân dụng, hành vi đe dọa sức khỏe, tính mạng của người, làm hư hỏng trang thiết bị hàng không, gây rối trật tự, trộm cắp tài sản và các hành vi vi phạm pháp luật khác tại cơ sở cung cấp dịch vụ không lưu; bảo vệ hiện trường khi xảy ra các vụ việc uy hiếp an ninh hàng không dân dụng, can thiệp bất hợp pháp vào cơ sở cung cấp dịch vụ không lưu;

b) Kiểm tra, soi chiếu trong trường hợp cần thiết, giám sát an ninh người, phương tiện, đồ vật ra, vào và hoạt động tại cơ sở cung cấp dịch vụ không lưu;

c) Tổ chức tuần tra, canh gác, bảo vệ, kiểm soát an ninh trật tự tại cơ sở cung cấp dịch vụ không lưu;

d) Thu giữ giấy tờ tùy thân đối với người có hành vi uy hiếp an ninh hàng không dân dụng, thu giữ vũ khí, chất nổ, chất cháy và những vật phẩm nguy hiểm khác đưa trái phép vào cơ sở cung cấp dịch vụ không lưu; cưỡng chế đối với người cản trở hoặc cố tình chống đối việc thu giữ;

đ) Lập hồ sơ đối với những người có hành vi uy hiếp an ninh hàng không dân dụng, gây rối trật tự tại cơ sở cung cấp dịch vụ không lưu và chuyển giao cho cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để xử lý theo quy định pháp luật;

e) Lập biên bản vi phạm và đề xuất xử lý vi phạm với người, cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, đồng thời báo cáo ngay cho Cảng vụ hàng không, Cục Hàng không Việt Nam;

g) Được đào tạo, huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ an ninh hàng không dân dụng; được trang bị, sử dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ để thực hiện nhiệm vụ theo quy định pháp luật.

Điều 40. Nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể của nhân viên an ninh trên không và người chỉ huy tàu bay thuộc hãng hàng không Việt Nam

1. Tham gia bảo đảm an ninh trên chuyến bay.

2. Tham gia giải quyết và xử lý các trường hợp tàu bay đang bay bị can thiệp bất hợp pháp gồm:

a) Người chỉ huy tàu bay được phép tạm giữ, lập hồ sơ đối với người có hành vi can thiệp bất hợp pháp trên tàu bay đang bay và chuyển giao cho cơ quan Nhà nước có thẩm quyền nơi tàu bay hạ cánh để xử lý theo quy định pháp luật;

b) Thu giữ vũ khí, chất nổ, chất cháy và những vật phẩm nguy hiểm khác trên tàu bay đang bay;

c) Thu giữ giấy tờ tùy thân đối với người có hành vi can thiệp bất hợp pháp và các hành vi vi phạm khác trên tàu bay đang bay;

d) Cường chế đối với người cản trở hoặc cố tình chống đối.

đ) Nhân viên an ninh trên không được trang bị, sử dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ để ngăn chặn đối tượng có hành vi can thiệp bất hợp pháp trên tàu bay đang bay, trong trường hợp có nguy cơ đe dọa đến tính mạng con người, nhân viên an ninh hàng không trên không được phép tiêu diệt đối tượng để bảo vệ tính mạng của hành khách trên tàu bay đang bay bị can thiệp bất hợp pháp.

3. Nhân viên an ninh trên không được đào tạo, huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ an ninh hàng không dân dụng; được trang bị, sử dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ để ngăn chặn, tiêu diệt đối tượng can thiệp bất hợp pháp trên tàu bay đang bay.

Điều 41. Trang phục, phù hiệu, cấp hiệu, trang bị vũ khí, công cụ hỗ trợ của lực lượng an ninh hàng không dân dụng

1. Lực lượng an ninh hàng không dân dụng có trang phục, phù hiệu, cấp hiệu riêng; được trang bị vũ khí, công cụ hỗ trợ, trang bị, thiết bị cần thiết để thực hiện nhiệm vụ bảo đảm an ninh hàng không dân dụng.

2. Bộ Giao thông vận tải chủ trì, phối hợp với Bộ Công an quy định cụ thể về trang phục, phù hiệu, cấp hiệu và việc trang bị vũ khí, công cụ hỗ trợ của lực lượng an ninh hàng không dân dụng.

Điều 42. Giấy phép nhân viên an ninh hàng không dân dụng

1. Giấy phép nhân viên an ninh hàng không dân dụng là sự xác nhận chính thức của cơ quan có thẩm quyền cho một nhân viên an ninh hàng không dân dụng có đủ năng lực cần thiết để thực hiện các nhiệm vụ được phân công.

2. Nhân viên an ninh hàng không dân dụng trực tiếp thực hiện nhiệm vụ bảo đảm an ninh hàng không dân dụng phải có giấy phép do Cục Hàng không Việt Nam cấp.

Chương VI
CƠ SỞ CUNG CẤP DỊCH VỤ AN NINH HÀNG KHÔNG DÂN DỤNG;
TRANG BỊ, THIẾT BỊ AN NINH HÀNG KHÔNG DÂN DỤNG

Điều 43. Cơ sở cung cấp dịch vụ an ninh hàng không dân dụng tại cảng hàng không

1. Người khai thác cảng hàng không, sân bay thiết lập hệ thống cơ sở cung cấp dịch vụ an ninh trực thuộc thống nhất.

2. Cơ sở cung cấp dịch vụ an ninh phải được Cục Hàng không Việt Nam cấp giấy phép khai thác.

Điều 44. Yêu cầu về hệ thống kỹ thuật, trang bị, thiết bị an ninh hàng không dân dụng

1. Hệ thống kỹ thuật, trang bị, thiết bị an ninh hàng không dân dụng bao gồm: máy soi X-quang, máy phát hiện, xử lý chất nổ, máy phát hiện kim loại, máy camera giám sát, thiết bị phát hiện xâm nhập, thiết bị nhận dạng, hệ thống chiếu sáng an ninh và các thiết bị khác sử dụng vào hoạt động bảo đảm an ninh hàng không dân dụng.

2. Người khai thác cảng hàng không, sân bay, người khai thác tàu bay, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ không lưu, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hàng không phải có hệ thống kỹ thuật, các trang bị, thiết bị cần thiết, thích hợp để thực hiện đầy đủ các biện pháp an ninh phòng ngừa và đối phó với hành vi can thiệp bất hợp pháp trong phạm vi trách nhiệm của mình quy định tại Nghị định này.

3. Hệ thống kỹ thuật, trang bị, thiết bị an ninh hàng không dân dụng tại các cảng hàng không, sân bay phải đảm bảo sự đồng bộ, thống nhất, đáp ứng được các tiêu chuẩn về chuyên môn và an toàn đối với sức khỏe con người.

Điều 45. Quản lý, khai thác hệ thống kỹ thuật, trang bị, thiết bị an ninh hàng không dân dụng

1. Cục Hàng không Việt Nam phê duyệt phương án lắp đặt, vận hành, sử dụng hệ thống kỹ thuật, trang bị, thiết bị an ninh hàng không dân dụng tại cảng hàng không, sân bay.

2. Hệ thống kỹ thuật, thiết bị an ninh hàng không dân dụng đưa vào khai thác phải có giấy phép khai thác, sử dụng.

3. Đơn vị quản lý hệ thống kỹ thuật, trang bị, thiết bị an ninh hàng không dân dụng có trách nhiệm xây dựng, ban hành tài liệu khai thác, bảo dưỡng hệ thống, trang thiết bị; duy trì đầy đủ tiêu chuẩn, tính năng kỹ thuật của hệ thống, trang thiết bị; khi có thay đổi kết cấu, sửa chữa lớn phải sửa đổi, bổ sung tài liệu một cách phù hợp.

4. Việc sửa chữa hệ thống kỹ thuật, trang bị, thiết bị an ninh hàng không dân dụng chỉ được thực hiện tại cơ sở bảo dưỡng, sửa chữa được Cục Hàng không Việt Nam chấp thuận, được đơn vị quản lý giám sát chặt chẽ.

5. Thiết bị đo lường, kiểm chuẩn phục vụ công tác kiểm tra, bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống kỹ thuật, trang bị, thiết bị an ninh hàng không dân dụng phải được kiểm định, hiệu chuẩn theo quy định pháp luật về đo lường.

6. Hình ảnh của máy thu hình (camera), máy soi phải được lưu giữ thích hợp phục vụ cho việc truy xét trong trường hợp cần thiết. Mẫu thử, hồ sơ, nhật ký khai thác, bảo dưỡng hệ thống kỹ thuật, trang bị, thiết bị an ninh hàng không dân dụng phải được lưu giữ và xuất trình khi có yêu cầu.

Chương VII

KINH PHÍ BẢO ĐẢM AN NINH HÀNG KHÔNG DÂN DỤNG

Điều 46. Nguyên tắc bố trí kinh phí.

1. Kinh phí cho công tác an ninh hàng không dân dụng được bảo đảm từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp hiện hành, kinh phí doanh nghiệp, nguồn thu từ dịch vụ an ninh hàng không dân dụng và các khoản thu khác theo quy định pháp luật.

2. Kế hoạch kinh phí bảo đảm an ninh hàng không dân dụng hàng năm được xây dựng theo quy định pháp luật.

3. Hãng hàng không chịu toàn bộ chi phí cho việc đối phó với hành vi can thiệp bất hợp pháp xảy ra với tàu bay của mình.

Chương VIII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 47. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 08 tháng 9 năm 2010.

2. Bãi bỏ Nghị định số 11/2000/NĐ-CP ngày 03 tháng 5 năm 2000 của Chính phủ ban hành quy chế bảo đảm an ninh hàng không dân dụng.

Điều 48. Tổ chức thực hiện

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các doanh nghiệp, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- VP BCĐ TW về phòng, chống tham nhũng;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách Xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, KTN (5b).N 190

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG



Nguyễn Tấn Dũng